TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/DSST.
Ngày: 12-6-2018.
"V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Đỏ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Chí Công - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xử án TAND huyện C, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-DS ngày 25/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn 13, xã N D, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn 15, xã N D, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 (Địa chỉ: Thôn 13, xã N D, huyện C, tỉnh Đắk Nông). (Có mặt)
- Anh Hà Anh T, sinh năm 1990 (Địa chỉ: Thôn 15, xã N D, huyện C, tỉnh Đắk Nông). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Anh T trình bày: Ngày 07/11/2017 bà Nguyễn Thị Thu H có đặt vợ chồng anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị T nấu ăn 12 mâm cỗ với số tiền là 8.400.000

đ *(Tám triệu, bốn trăm nghìn đồng)*; ngày 08/11/2017 bà H đặt vợ chồng anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị T nấu ăn thêm 27 mâm cỗ với số tiền là 35.100.000 đ *(Ba mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị Thu H đã đặt tiệc và còn nợ lại của vợ chồng anh T, chị T là 43.500.000 đ *(Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)*. Vợ chồng anh T, chị T đã nhiều lần yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền còn nợ lại nhưng bà H vẫn không thực hiện. Do đó, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho vợ chồng anh T, chị T toàn bộ số tiền còn nợ lại là 43.500.000 đ và không yêu cầu lãi suất đối với số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: bà Hà hoàn toàn đồng ý với nội dung sự việc mà anh Trần AnhT đã trình bày trong đơn khởi kiện; ngày 07/11/2017 bà H có đặt vợ chồng anh Trần Anh T nấu ăn 12 mâm cỗ với số tiền là 8.400.000 đ *(Tám triệu, bốn trăm nghìn đồng)*; ngày 08/11/2017 bà H đặt vợ chồng anh T thêm 27 mâm cỗ với số tiền là 35.100.000 đ *(Ba mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng)*. Tổng cộng số tiền mà bà Nguyễn Thị Thu H đặt tiền cỗ và còn nợ lại của vợ chồng anh Trần Anh T là 43.500.000 đ *(Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)*, khi ký kết hợp đồng dịch vụ do bà H bận công việc nên không trực tiếp ký kết hợp đồng được mà giao cho con trai bà H là (Hà Anh T) trực tiếp ký hợp đồng với vợ của anh Trần Anh T (chị Nguyễn Thị T), nhưng bà H là chủ hộ gia đình nên bà H chịu trách nhiệm trả nợ đối với số tiền này. Tuy nhiên, do bà Đặng Thị L (mẹ vợ của anh Trần Anh T) còn nợ của bà H số tiền là 108.200.000 đ *(một trăm lẻ tám triệu, hai trăm nghìn đồng)*, mặc dù bà Đặng Thị L không liên quan gì đến việc thực hiện hợp đồng dịch vụ giữa bà H và vợ chồng anh Trần Anh T, nhưng do hoàn cảnh kinh tế bà H rất khó khăn, không thể thu xếp trả nợ ngay số tiền còn nợ trên cho vợ chồng anh Trần Anh T được, nên khi nào bà Đặng Thị L trả tiền cho bà H thì bà H sẽ lấy số tiền đó thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ lại của vợ chồng anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị T.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T hoàn toàn thống nhất với nội dung đơn khởi kiện cũng như quan điểm giải quyết vụ án mà chồng chị (anh Trần Anh T) đã trình bày, khi ký kết hợp đồng dịch vụ thì chị T là người trực tiếp ký vào hợp đồng với con trai của bà Nguyễn Thị Thu H (anh Hà Anh T), vì khi đó bà H không nhìn rõ nên nhờ anh Hà Anh T ký thay, tuy nhiên hợp đồng này chỉ được thực hiện giữa vợ chồng anh T, chị T với bà Nguyễn Thị Thu H, ngoài ra không còn ai khác. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho vợ chồng anh T, chị T toàn bộ số tiền còn nợ lại là 43.500.000 đ *(Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)* và không yêu cầu lãi suất đối với số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Hà Anh T trình bày: Hợp đồng dịch vụ đặt tiệc cưới được ký kết ngày 20/9/2017 có chữ ký của anh Hà Anh T và chị Nguyễn Thị T là do khi đó mẹ anh T (bà Nguyễn Thị Thu H) không có kính nên không đọc chữ và ký được nên có nhờ

anh T ký thay cho bà H, chứ thực tế thì anh T không có liên quan gì đến hợp đồng đặt tiệc này, nên anh Hà Anh T không có nghĩa vụ phải thanh toán đối với số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung như đã trình bày trong quá trình lấy lời khai, hòa giải tại Tòa án và không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị T số tiền còn nợ lại là 43.500.000 đ *(bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải phải thanh toán số tiền nhận đặt tiệc dịch vụ nấu ăn còn nợ lại là 43.500.000 đ (*bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng*), do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có hộ khẩu tường trú tại: Thôn 15, xã N D, huyện C, tỉnh Đăk Nông; Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chứng cứ chứng minh: Anh Trần Anh T cung cấp tại Tòa án 01 Hợp đồng nhận và đặt tiệc ngày 20/9/2017 (bản gốc) có chữ ký của anh Hà Anh T và chị Nguyễn Thị T thể hiện nội dung số tiền nhận và đặt tiệc có giá trị là 43.500.000 đ *(Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý và không có ý kiến gì về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, do đó HĐXX xác định đây là chứng cứ để chứng minh trong vụ án.

Về nghĩa vụ thanh toán: Các đương sự đều thừa nhận từ ngày 07/11/2017 đến ngày 08/11/2017 bà Nguyễn Thị Thu H có đặt tiệc dịch vụ nấu ăn của vợ chồng anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 43.500.000 đ (*Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)*, khi thực hiện hợp đồng do bà H không đeo kính nên không nhìn rõ chữ nên có nhờ con trai là anh Hà Anh T ký thay vào hợp đồng nhận đặt tiệc cho bà H, nhưng trách nhiệm thực hiện hợp đồng là của bà H chứ không liên quan gì đến anh Hà Anh T, kể từ khi thực hiện hợp đồng đặt tiệc cho đến nay mặc dù anh T, chị T đã nhiều lần yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền còn nợ do nhận đặt tiệc dịch vụ nấu ăn nhưng bà Nguyễn Thị Thu H vẫn chưa thanh toán được số tiền nào trong số tiền còn nợ lại. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở, trách nhiệm thanh toán số tiền dịch vụ còn nợ lại là của bà Nguyễn Thị Thu H. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T, buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền dịch vụ theo quy định tại các Điều 516, Điều 518 và 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự với số tiền 43.500.000 đ x 5% = 2.175.000 đ, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 515, Điều 516, Điều 518, Điều 519, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả tiền dịch vụ đặt tiệc cho anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị T số tiền còn nợ lại là 43.500.000 đ *(Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị Thu H không thi hành thì bà Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu tiền lãi đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 2.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Trần Anh T số tiền 1.088.000 đ *(Tám trăm bốn mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0001036 ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện C;
- CCTHDS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng
(Đã ký)